

ĐÁNH GIÁ NHU CẦU HỌC SAU TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CỦA HỌC SINH LỚP 12 TỈNH BẮC NINH

**Lê Thị Phương Dung^{*}, Bùi Thị Hương, Nguyễn Tiến Hùng,
Nguyễn Quỳnh Lan, Võ Nam Thắng, Trần Đăng Khải**

Khoa Kinh tế, Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản

**Tác giả liên hệ: dung47kts@gmail.com*

Ngày nhận bài: 10.07.2020

Ngày chấp nhận đăng: 31.07.2020

TÓM TẮT

Nghiên cứu về nhu cầu học của học sinh được thực hiện qua phỏng vấn 205 học sinh lớp 12 tại 4 trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên của tỉnh Bắc Ninh. Bài viết phân tích dự định về ngành nghề và trình độ theo học sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông của học sinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỉ lệ học sinh đã và đang tìm hiểu về ngành nghề và trường dự định theo học lần lượt là 54,1% và 67,32%. Thông qua phỏng vấn học sinh về ngành nghề các em mong muốn theo học trong tương lai, với tỉ lệ 35,12% học sinh lựa chọn, ngành kinh doanh vẫn là nhóm ngành được nhiều học sinh lựa chọn nhất, trong khi đó nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp chỉ có 1,95% học sinh được phỏng vấn có mong muốn học. Hàm binary logistic được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới dự định “Có” hay “Không” đăng ký xét tuyển đại học. Kết quả phân tích cho thấy học lực trung bình, trường đang theo học, sự tìm hiểu về ngành nghề và tìm hiểu về trường đại học, số lượng trường mà học sinh có thể nhận biết là các yếu tố ảnh hưởng tới ý định đăng ký xét tuyển đại học sau tốt nghiệp trung học phổ thông của học sinh. Quảng bá trường và ngành nghề qua các trang mạng xã hội, thực hiện liên kết giữa trường đại học, doanh nghiệp và trường trung học phổ thông để tư vấn nghề nghiệp cho học sinh là biện pháp tuyển sinh của các trường đại học.

Từ khoá: Nhu cầu, học sinh, đăng ký, ngành nghề, Bắc Ninh.

Evaluation of Learning Demand after Graduating from High Schools of Grade 12 Students in Bac Ninh Province

ABSTRACT

The study of students' learning demand was conducted by interviewing 205 students of grade 12 at 4 high schools and continuing Education Centers of Bac Ninh province. This study analyzes the tendency about career and degree level of students after graduating from high school. The results have shown that: the percentage of students have been learning about careers and universities that they intend to apply are 54.1% and 67.32%, respectively. Students have chosen to study business accounted for 35.12% indicated that business sector has been attracted the most candidates, only 1.95% of the interviewed students would like to study agriculture, forestry and fisheries. Binary logistic regression is used to analysis the factors affecting intention “yes” or “no” applying to universities. The result showed that learning capacity, current school, learning about careers and universities, the number of universities that students can identify are the factors influencing the intention to apply to university after graduating of students. Promoting university and career through social networking sites, making links between universities, companies and high schools to career advice for students is admission measures of the university./.

Keywords: Learning demand, students, apply, career, Bac Ninh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, các trường đại học, cao đẳng đang phải đối mặt với khó khăn về tuyển sinh. Có

nhiều nguyên nhân dẫn tới khó khăn này, trong đó phải kể đến việc số lượng thí sinh đăng ký dự thi đại học, cao đẳng giảm sau mỗi mùa tuyển sinh, từ 1,7 triệu thí sinh dự thi vào năm học

2011-2012 xuống còn 866.000 thí sinh dự thi năm 2016-2017 (Nguyễn Thị Thúy Hoa, 2018). Năm 2019, số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển các trường đại học, cao đẳng là 653.278 thí sinh, giảm 5,14% so với năm 2018 (VOV, 2019), trong khi số lượng thí sinh ngày càng ít đi thì số lượng trường lại có xu hướng tăng mạnh. Tính đến hết năm học 2017-2018, hệ thống hiện có 235 trường đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019). Nếu tính tổng các trường đại học, học viện và cao đẳng thì nước ta có gần 700 trường. Bên cạnh đó, thời gian vừa qua, việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính ở các trường đại học công lập đã được triển khai thí điểm. Trong bối cảnh số lượng trường đại học, cao đẳng gia tăng, số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển vào các trường giảm mạnh cùng với xu thế tự chủ tài chính ở các trường đại học, cao đẳng, cạnh tranh giữa các trường nhằm thu hút thí sinh nhập học ngày càng gay gắt, vì vậy phân tích và dự báo nhu cầu đào tạo là nhiệm vụ thiết yếu của các trường đại học, cao đẳng hiện nay. Đây là cơ sở khoa học cho việc định hướng xây dựng chiến lược, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội; giúp các trường đại học, cao đẳng kịp thời điều chỉnh cơ cấu ngành, chương trình đào tạo... (Đỗ Thị Thanh Toàn, 2018).

Nhu cầu là khái niệm cơ bản trong kinh tế học. Nhu cầu là sự ham muốn của con người trong việc tiêu dùng sản phẩm và trong các hoạt động diễn ra hàng ngày. Đáp ứng nhu cầu của khách hàng là mục tiêu của doanh nghiệp nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận. Trường đại học, cao đẳng khác với doanh nghiệp. Trường học cung cấp dịch vụ giáo dục cho học sinh tuy nhiên sản phẩm của trường học cũng là chính những học sinh mà trường đào tạo. Trước xu thế tự chủ tài chính của nhiều trường học, sinh viên có thể được coi là khách hàng của trường vì họ trả tiền để mua dịch vụ đào tạo. Nhận thức được việc đáp ứng nhu cầu của học sinh, rất nhiều nghiên cứu về nhu cầu đào tạo đã được thực hiện, điển hình như các nghiên cứu về nhu cầu học ngoại ngữ (Lưu Nguyễn Quốc Hưng, 2017), nhu cầu học nghề (Phạm Ngọc Nhân & Hồ Quốc Nghĩa, 2017), nhu cầu học kỹ năng sống (Nguyễn Hồng Phan & cs., 2017), nhu cầu đào tạo bác sĩ đa khoa

(Bùi Mỹ Hạnh & cs., 2014) với mục tiêu chính là đưa ra giải pháp đào tạo, xác định nội dung, chương trình giảng dạy, giáo trình, tài liệu và phương pháp giảng dạy phù hợp.

Mục tiêu của nghiên cứu nhằm đánh giá nhu cầu học tập của học sinh, giúp cho các trường đại học, cao đẳng nắm được mong muốn, nguyện vọng của học sinh, định hướng về ngành nghề của học sinh sau tốt nghiệp THPT và các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định có hay không đăng ký xét tuyển đại học từ đó có các giải pháp tuyển sinh hiệu quả hơn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nguồn số liệu

2.1.1. Nguồn số liệu đã công bố

Các thông tin chung về số lượng thí sinh tốt nghiệp THPT, thí sinh tham gia xét tuyển đại học, cao đẳng và thông tin về các trường đại học, cao đẳng được thu thập thông qua những tài liệu đã có, được tổng hợp từ các nguồn đã được công bố hợp pháp trên các công trình khoa học, báo cáo chuyên ngành của các cơ quan quản lý, cơ quan thống kê, tạp chí khoa học.

2.1.2. Nguồn số liệu sơ cấp

Số liệu mới nhằm phân tích nhu cầu học tập của học sinh THPT được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 205 học sinh là học sinh lớp 12 tại hai trường THPT (THPT Yên Phong 1 và THPT Tiên Du 1) và hai trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc huyện Thuận Thành và huyện Gia Bình thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Nhằm đảm bảo mẫu có tính đại diện cao cho tổng thể, nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra ngẫu nhiên đơn. Số mẫu là 205 học sinh sẽ được chọn theo số lượng mẫu đảm bảo ý nghĩa thống kê như sau:

$$n = \frac{z^2(pq)}{e^2} \quad (\text{Cochran, 1963})$$

Trong đó:

n là số mẫu cần thiết điều tra đảm bảo tính đại diện

e là sai số cho phép (ví dụ sai số cho phép là 7% như vậy $e = 0,07$)

p là ước tính tỉ lệ % của tổng thể

$$q = 1 - p$$

Thông thường tỉ lệ p và q được ước tính 50%/50% đó là khả năng lớn nhất có thể xảy ra của tổng thể.

z là giá trị phân phối tương ứng với độ tin cậy lựa chọn (nếu độ tin cậy 95% thì giá trị z là 1,96...).

2.2. Xử lý số liệu

Các phương pháp phân tích bao gồm: phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh được sử dụng nhằm phân tích nhu cầu học và các dự định của học sinh sau tốt nghiệp THPT.

Bên cạnh đó, để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới dự định “CÓ” hay “KHÔNG” đăng ký xét tuyển đại học, hàm Binary logistic được sử dụng. Xác suất học sinh có tham gia xét tuyển đại học được viết như sau:

$$P = F(B) = \frac{1}{(1 + e^{-\Delta V})} \quad (1)$$

Trong đó:

F(B) là xác suất tham gia xét tuyển đại học

$$\Delta V = \alpha_0 + \beta_i X_i$$

Hàm binary logistic trong phương trình (1) có thể được viết:

$$\ln [P/(1-P)] = Y = \beta_0 + \beta_i X_i \quad (2)$$

Trong mô hình nghiên cứu này, hàm Logistic bao gồm vế trái là biến phụ thuộc có hai giá trị (Y = 0 nếu học sinh không có ý định xét tuyển đại học, Y = 1 nếu học sinh dự định xét tuyển đại học).

X_i là vector thể hiện yếu tố kinh tế xã hội của những người được phỏng vấn. Ví dụ: tuổi, giới tính, học lực,...

β_i (i = 0,1,2) là các thông số cần được ước lượng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Dự định về ngành nghề theo học trong tương lai của học sinh THPT

Kết quả nghiên cứu cho thấy, học sinh lớp 12 đã có ý thức tìm hiểu về các ngành nghề dự

định học trong tương lai, tuy nhiên tỉ lệ học sinh chưa có sự tìm hiểu về ngành nghề chiếm tới 45,9%. Trong đó, nguyên nhân được các em đưa ra bao gồm: không có người định hướng, vẫn còn sớm để tìm hiểu về các ngành nghề và dự định khác thay vì đi học. Tỉ lệ học sinh cho rằng chưa có người định hướng chiếm 40,3% cho thấy vấn đề hướng nghiệp ở các trường THPT còn nhiều bất cập. Giáo dục trong nước mới chỉ chú trọng học kiến thức trong sách giáo khoa mà chưa có nhiều tiết học định hướng nghề nghiệp hay trải nghiệm thực tiễn để giúp học sinh có thể tự tin lựa chọn nghề nghiệp. Việc học sinh lựa chọn được đúng nghề nghiệp và chọn đúng trường để học sẽ giúp các em có thể phát huy tối đa khả năng và điểm mạnh của bản thân, phát triển năng lực và có nhiều cơ hội thăng tiến trong công việc sau này. Kết quả phỏng vấn học sinh còn cho thấy, chính bản thân học sinh là người tìm hiểu về ngành nghề theo học, với tỉ lệ học sinh tự tìm hiểu về ngành nghề chiếm 57,2%. Tỉ lệ học sinh được thầy cô định hướng khá thấp (3,7%) cho thấy vai trò khá mờ nhạt của nhà trường trong vấn đề định hướng ngành nghề cho học sinh.

Với tỉ lệ học sinh chưa có định hướng về ngành nghề khá cao, tỉ lệ học sinh được nhà trường, thầy cô định hướng thấp đòi hỏi Sở Giáo dục tỉnh Bắc Ninh cùng với các trường THPT của tỉnh cần có phương án phù hợp để đưa chương trình hướng nghiệp đến học sinh, giúp các em có nhận thức rõ hơn về ngành nghề có thể theo học.

Thông qua phỏng vấn học sinh về ngành nghề các em mong muốn theo học trong tương lai, với tỉ lệ 35,12% học sinh lựa chọn, ngành kinh doanh vẫn là nhóm ngành được nhiều học sinh lựa chọn nhất. Nhóm ngành kinh doanh bao gồm các ngành quản trị (quản trị kinh doanh, quản trị khách sạn, quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, quản trị văn phòng, quản trị nhân lực...), ngành marketing, ngành kế toán, kiểm toán, tài chính ngân hàng... Có thể lý giải cho sự lựa chọn này của học sinh THPT là do: số lượng trường cao đẳng, đại học có đào tạo nhóm ngành này chiếm một lượng rất lớn; ngành kinh doanh chấp nhận xét tuyển điểm theo nhiều khối học; mức điểm để đăng ký nguyện vọng vào

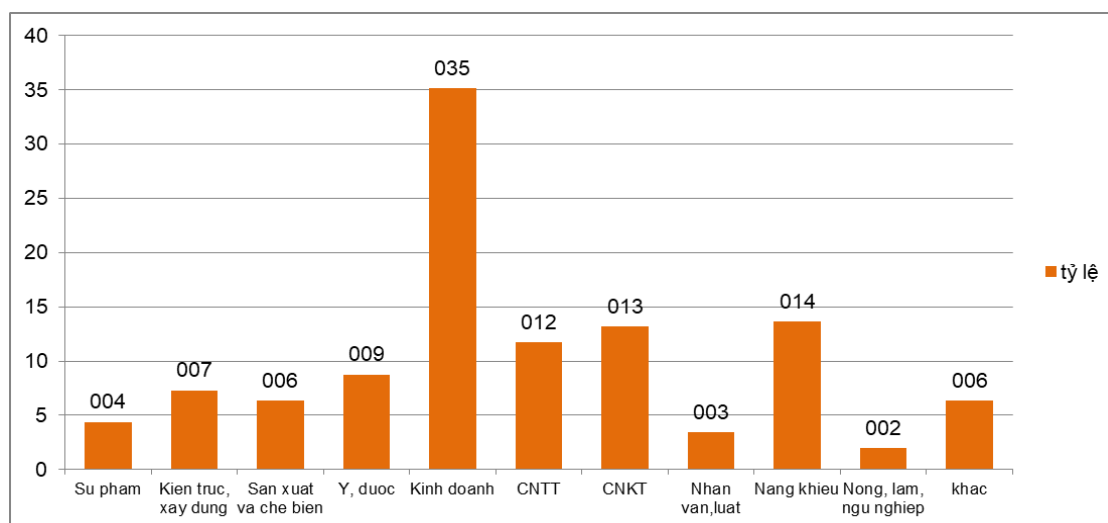
các ngành thuộc nhóm ngành kinh doanh vừa sức với phần lớn học sinh. Bên cạnh đó, với tốc độ tăng trưởng ổn định của nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây, số lượng doanh nghiệp ở Việt Nam ngày càng tăng kéo theo nhu cầu nhân lực liên quan đến ngành kinh doanh tăng cao đã khiến cho ngành này thu hút lượng lớn học sinh theo học.

Ngoài nhóm ngành kinh doanh, nhóm ngành năng khiếu, công nghệ kỹ thuật, công nghệ thông tin cũng là các nhóm ngành thu hút nhiều thí sinh có nguyện vọng học. Trái ngược với các ngành trên, nhóm ngành nông, lâm, ngư

ng nghiệp là nhóm ngành có ít học sinh lựa chọn. Với đại đa số học sinh xuất phát từ nông thôn cùng với tâm lý thoát ly khỏi nông nghiệp, khó xin việc, do đó lượng thí sinh đăng ký học nhóm ngành nông nghiệp đều thấp qua các năm. Với xu hướng phát triển nền nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ cao đòi hỏi các doanh nghiệp phải tuyển dụng lao động chất lượng cao. Điều này cho thấy nông lâm ngư nghiệp không phải nhóm ngành khó xin việc. Trong thực tế, nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp có tỉ lệ sinh viên thất nghiệp thấp nhất, cơ hội nghề nghiệp đa dạng.

Bảng 1. Xác định ngành nghề của học sinh

Chỉ tiêu	Số lượng (học sinh)	Tỷ lệ (%)
Đã tìm hiểu về các ngành nghề		
Có	111	54,1
Không	94	45,9
Lý do chưa tìm hiểu ngành nghề		
Không có người định hướng	38	40,3
Vẫn còn sớm để tìm hiểu	33	35,1
Khác (đi làm, đi du học, ...)	35	37,2
Người định hướng ngành nghề		
Bản thân tự tìm hiểu	139	57,2
Gia đình, bạn bè	42	17,3
Nhà trường, thầy cô	9	3,7
Xu hướng, trào lưu học	13	5,3
Khác	2	0,8



Hình 1. Ngành nghề dự định theo học của học sinh sau tốt nghiệp THPT

Từ kết quả nghiên cứu có thể thấy được xu hướng đăng ký các ngành học của học sinh THPT và vai trò quan trọng của hướng nghiệp. Sự mất cân đối giữa định hướng học các ngành nghề với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp có thể được giảm bớt thông qua hoạt động hướng nghiệp. Đặc biệt với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo khối ngành nông lâm ngư nghiệp cần tăng cường hoạt động kết nối, quảng bá tới học sinh THPT.

3.2. Lựa chọn trường đại học, cao đẳng của học sinh THPT

Bước vào cấp 3, học sinh đã bắt đầu có những định hướng về nghề nghiệp mình lựa chọn sau này, từ đó học sinh xác định trường đại học, cao đẳng sẽ theo học. Theo thống kê của Tổng cục Thống kê (2019), số người thất nghiệp có trình độ đại học trở lên là 124,5 nghìn người, nhóm trình độ cao đẳng là 65,1 nghìn người, nhóm trình độ trung cấp là 52,7 nghìn người, nhóm trình độ sơ cấp nghề là 18,1 nghìn người. Trước thực trạng sinh viên đại học ra trường bị thất nghiệp hoặc làm trái ngành, sự lựa chọn trình độ theo học của học sinh sau tốt nghiệp THPT trong những năm gần đây đã có nhiều thay đổi. Kết quả nghiên cứu của đề tài cũng thể hiện rõ điều này. Điều tra được tiến hành trong đầu năm học lớp 12, trong đó có 67,32% học sinh được phỏng vấn trả lời đã có sự tìm hiểu nhất định về các trường đại học, cao đẳng mà mình dự định đăng ký nguyện vọng. Thông qua điều tra về trình độ dự định theo học sau tốt nghiệp THPT có thể thấy, học sinh đã có sự chuyển đổi nhận thức rõ ràng về trình độ theo học.

Điều tra tại Bắc Ninh thể hiện, học sinh mong muốn theo học đại học vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất, tuy nhiên học sinh dự định học trung cấp, cao đẳng cũng chiếm tỉ lệ không nhỏ. Đặc biệt, có 20,98% số học sinh được phỏng vấn dự định không theo học tại các trường đại học, cao đẳng. Lựa chọn các em đưa ra bao gồm: đi làm tại các nhà máy, cửa hàng ngay sau khi tốt nghiệp THPT, đi xuất khẩu lao động, kinh doanh tại gia đình... Điều này phản ánh sự thay đổi về tư duy chọn nghề của học sinh và phụ huynh, nhận biết được sự thay đổi về nhu cầu nhân lực trong xã hội. Học sinh cũng xác định rõ được năng lực

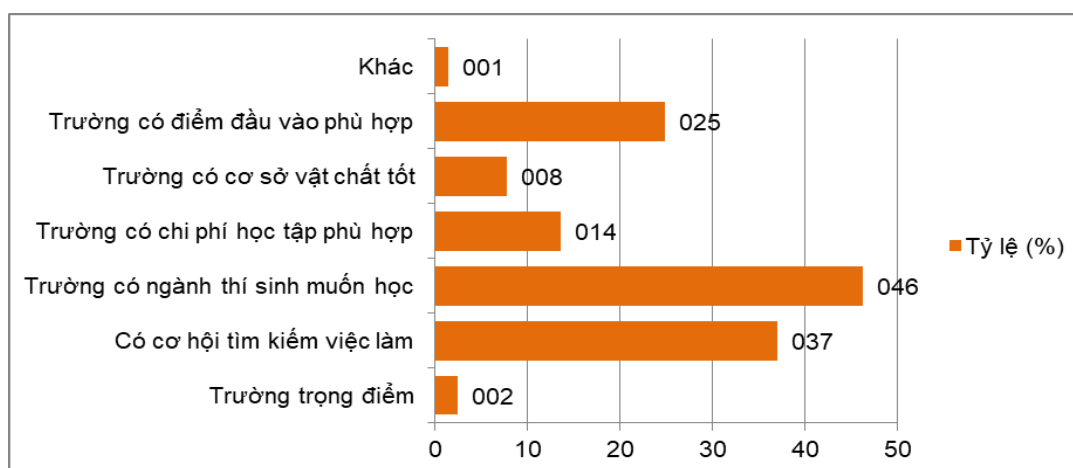
của mình để chọn phương thức hướng nghiệp, trong đó có tác động của nhu cầu lao động tay nghề cao trong thời đại mới. Kết quả này cũng chỉ ra cơ hội cho các trường cao đẳng nghề - những trường yếu thế hơn về mặt tuyển sinh so với các trường đại học. Với mức điểm xét tuyển thấp hơn đại học, thời gian học ngắn, ít tốn kém, thực hành nhiều, dễ tìm việc, các trường nghề càng ngày có sức hút với thí sinh hơn. Trước tình trạng thất nghiệp của sinh viên đại học khi ra trường, học sinh THPT và phụ huynh đã giảm bớt xu hướng cố sức vào đại học, thay vào đó họ cân nhắc rất cẩn thận việc học cấp nào, trường nào, ngành gì để đáp ứng yêu cầu nhu cầu tuyển dụng lao động. Tỉ lệ học sinh dự định học đại học giảm thay vào đó là học trung cấp, cao đẳng và lựa chọn đi làm cũng là một dấu hiệu tích cực, phản ánh sự phân luồng sau THPT ở nước ta hiện nay.

Để tìm hiểu về các trường đại học, cao đẳng học sinh có thể tiếp cận từ nhiều nguồn thông tin. Kết quả khảo sát cho thấy, ngày nay phần lớn học sinh tìm hiểu về các trường thông qua internet. Theo số liệu thống kê, trong 64 triệu người sử dụng internet tại Việt Nam có tới 58 triệu người dùng mạng xã hội, con số này tăng đến 8 triệu người dùng so với năm 2018, trong đó, Facebook vẫn nằm trong top các mạng xã hội hoạt động mạnh nhất, chiếm đến 95% người sử dụng (WeareSocial & Hootsuite, 2019). Ngày nay, với việc phát triển các trang mạng xã hội của trường, các trường đại học, cao đẳng có thể tiếp cận được với các sinh viên tiềm năng. Kết quả này cũng chỉ ra hướng marketing cho các trường đại học, cao đẳng: tăng cường công tác tuyển sinh bằng cách tập trung truyền thông qua các trang mạng xã hội.

Có rất nhiều yếu tố tác động đến việc lựa chọn trường đại học, cao đẳng của học sinh THPT. Nếu như việc lựa chọn ngành nghề có thể theo sở thích, đam mê thì việc lựa chọn trường đại học, cao đẳng của học sinh phải đối diện với nhiều vấn đề như: có rất nhiều trường cùng đào tạo ngành mình muốn học, vấn đề học phí, chi phí sinh hoạt, môi trường học tập... Vậy đâu là yếu tố quyết định tới việc lựa chọn trường theo học của học sinh THPT.

Bảng 2. Lựa chọn trường đại học, cao đẳng của học sinh THPT

Chỉ tiêu	Số lượng (học sinh)	Tỷ lệ (%)
Đang có sự tìm hiểu về các trường đại học, cao đẳng		
Có	138	67,32
Không	67	32,68
Trình độ dự định theo học		
Trung cấp, cao đẳng	68	33,17
Đại học	94	45,85
Khác	43	20,98
Nguồn thông tin về các trường		
Gia đình	43	20,98
Nhà trường, thầy cô	41	20,00
Bạn bè	32	15,61
TV, báo, internet	154	75,12



Hình 2. Các đặc điểm của trường thu hút thí sinh xét tuyển

Nghiên cứu đã cho thấy, có 3 yếu tố chính mà học sinh dựa vào đó để xem xét việc có đăng ký hồ sơ vào trường đó hay không, đó là: trường có ngành mà thí sinh muốn học, trường mà học sinh tin rằng sau khi tốt nghiệp sẽ dễ dàng tìm việc làm, trường có mức điểm đầu vào phù hợp. Trong đó, có tới 46,34% học sinh được phỏng vấn bắt đầu từ việc tìm hiểu các trường có ngành mà mình yêu thích. Ngày nay, học sinh và phụ huynh đã thực tế hơn khi quan tâm cả tới đầu vào và đầu ra của các trường. Thí sinh thay vì đăng ký hồ sơ vào các trường trọng điểm thì đã nghiên cứu tới mức điểm xét tuyển của các trường. Bên cạnh đó, nhiều học sinh coi trọng yếu tố “có việc làm” sau khi ra trường. Theo quan điểm của học sinh, các trường đại học, cao

đẳng mà sinh viên sau tốt nghiệp có nhiều cơ hội tìm việc là các trường: có uy tín trong giáo dục; đào tạo các ngành nghề đang cần nhiều nhân lực; các trường nghề.

Như vậy, các trường đại học, cao đẳng có đào tạo những ngành được nhiều người ưa thích hoặc những ngành cần nhiều nhân lực là những trường có ưu thế trong tuyển sinh. Việc mở ra những ngành đào tạo mới hoặc cải tiến chương trình cũ với nhiều trường đang là xu hướng tất yếu. Điều này giúp các trường đại học, cao đẳng đáp ứng yêu cầu thay đổi rất nhanh của thị trường lao động và nhu cầu học tập của học sinh cũng như nâng cao vị thế của trường trong bối cảnh cạnh tranh về tuyển sinh gay gắt như hiện nay.

Bảng 3. Mô tả biến sử dụng trong mô hình

Biến	Mô tả	Ghi chú
X_1	Giới tính của học sinh	Nam = 1 Nữ = 0
X_2	Trường đang theo học	THPT = 1 Trung tâm giáo dục thường xuyên = 0
X_3	Học lực của học sinh	Yếu hoặc kém = 1 Trung bình = 2 Khá = 3 Giỏi = 4 Xuất sắc = 5
X_4	Gia đình	Không thuần nông = 1 Thuần nông = 2
X_5	Xác định ngành nghề theo học	Đã xác định = 1 Chưa xác định = 0
X_6	Đã tìm hiểu về các trường đại học	Đã tìm hiểu = 1 Chưa tìm hiểu = 0
X_7	Số lượng trường có thể nhận biết	Biến liên tục
X_8	Số lượng trường đại học dự định nộp hồ sơ xét tuyển	Biến liên tục

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới nhu cầu học đại học của học sinh THPT

Trong nghiên cứu này, mô hình hồi quy Binary logistic được sử dụng để xác định các yếu tố ảnh hưởng tới việc “CÓ” hay “KHÔNG” dự tuyển vào các trường đại học, cao đẳng của học sinh THPT.

Trong hàm Logistic, ngoài các biến độc lập thể hiện đặc điểm cá nhân của học sinh, bao gồm biến X_1 , X_2 , X_3 , X_4 thì các biến X_5 , X_6 , X_7 , X_8 thể hiện nhận thức, sự tìm hiểu của học sinh về ngành nghề cũng như việc lựa chọn trường sẽ theo học trong tương lai được sử dụng.

Kết quả phân tích sử dụng mô hình hàm binary logistic được trình bày ở bảng 3.4 cho thấy hệ số Chi2 có mức ý nghĩa rất cao ($p = 0,000$) thể hiện mô hình là phù hợp và có độ giải thích cao.

Trong mô hình nghiên cứu trên, các yếu tố X_2 (trường đang theo học), X_3 (học lực trung bình), X_5 (đã có sự tìm hiểu về các ngành nghề), X_6 (đã có sự tìm hiểu về trường theo học), X_7 (số lượng trường có thể nhận biết) đều có mức ý

nghĩa cao. Trong đó hệ số của các biến X_2 , X_3 , X_5 , X_6 , X_7 đều mang dấu dương. Điều này cho thấy: học sinh ở các trường THPT có xu hướng sẽ học đại học nhiều hơn học sinh ở các trung tâm giáo dục thường xuyên; học sinh có học lực càng cao, học sinh đã có sự tìm hiểu nhất định về ngành nghề cũng như trường đại học, học sinh càng nhận biết được nhiều trường đại học sẽ có dự định học đại học nhiều hơn học sinh có học lực thấp, học sinh chưa có sự nghiên cứu kỹ về ngành nghề hoặc trường đại học mà mình sẽ theo học. Như vậy, để thu hút học sinh theo học, các trường đại học cần thúc đẩy hơn nữa các hoạt động quảng bá trường và giới thiệu về các ngành nghề mà trường đang đào tạo tới học sinh trung học phổ thông thông qua mạng xã hội, bên cạnh đó, thực hiện liên kết với doanh nghiệp và các trường trung học phổ thông để thực hiện hoạt động tư vấn nghề nghiệp. Qua đó giúp gia tăng sự hiểu biết của học sinh về các trường cũng như ngành học ở bậc cao hơn, đồng thời giúp định hướng nghề nghiệp trong tương lai cho học sinh THPT.

Bảng 4. Các yếu tố ảnh hưởng tới dự định xét tuyển đại học của học sinh THPT

Biến	Mô hình Binary logistics	
	Hệ số	Sai số chuẩn
X ₁	-0,083	0,374
X ₂	01,342***	0,387
X ₃	0,996***	0,345
X ₄	-0,205	0,442
X ₅	0,838***	0,374
X ₆	1,187***	0,481
X ₇	0,293**	0,135
X ₈	-0,434	0,229
Constant	-5,574***	1,416
N		205
-2log likelihood		200,511
Pseudo R ²		0,427
LR chi2		78,344
Prob>chi2		0,000

Ghi chú: *có ý nghĩa thống kê tại 10%, **có ý nghĩa thống kê tại 5%, ***có ý nghĩa thống kê tại 1%.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu về nhu cầu học của học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã cho ra một số kết quả sau: tỉ lệ học sinh lớp 12 chưa có sự tìm hiểu về ngành nghề dự định học chiếm 45,9% với lý do chính là không có người định hướng. Việc lựa chọn ngành nghề chủ yếu do bản thân học sinh tự tìm hiểu, nhóm ngành kinh doanh là nhóm ngành có tỉ lệ học sinh mong muốn theo học cao nhất (35,12%) trong khi đó nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp chỉ có 1,95% học sinh dự định học. Điều này cho thấy sự thiếu hụt trong công tác hướng nghiệp tại các trường THPT hiện nay ở nước ta. Sự thay đổi tư duy chọn nghề của học sinh và phụ huynh thể hiện qua kết quả nghiên cứu với tỉ lệ học sinh dự định học trung cấp, cao đẳng chiếm 33,17% và tỉ lệ học sinh lựa chọn xuất khẩu lao động, đi học nghề hoặc đi làm ngay sau khi tốt nghiệp THPT chiếm 20,98%. Với tỉ lệ học sinh tìm hiểu qua internet, báo, tivi chiếm tới 75,12% cho thấy vai trò của việc quảng bá trường đại học, cao đẳng qua mạng xã hội ngày càng trở nên quan trọng. Kết quả điều tra cho thấy các trường đại học, cao đẳng có ngành nghề thí sinh

yêu thích, trường có cơ hội tìm kiếm việc làm, có mức điểm đầu vào phù hợp là các trường có ưu thế trong tuyển sinh. Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới dự định xét tuyển vào đại học chỉ ra học sinh học ở các trường THPT, học sinh có học lực càng cao, học sinh đã tìm hiểu về ngành nghề và trường đại học, học sinh nhận biết được nhiều trường đại học sẽ có xu hướng lựa chọn học đại học. Các trường đại học có thể đẩy mạnh công tác tuyển sinh thông qua các trang mạng xã hội, thực hiện liên kết giữa trường đại học với doanh nghiệp và các trường THPT để tư vấn nghề nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). Số liệu thống kê giáo dục đại học năm học 2017-2018.
- Bùi Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Lê Quyên & Nông Minh Vương (2014). Nhu cầu đào tạo bác sĩ đa khoa dựa trên năng lực tại Trường Đại học Y Hà Nội. Tạp chí Y học thực hành. 902(10): 36-40.
- Cochran W.G. (1963). Sampling Techniques, 2nd Ed., New York: John Wiley and Sons, Inc.
- Đỗ Thị Thanh Toàn (2018). Một số vấn đề về dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ở các trường đại học địa phương. Tạp chí Giáo dục. 434(2-7): 35-39.

- Lưu Nguyễn Quốc Hưng (2017). Nhu cầu học và sử dụng ngoại ngữ trên địa bàn thành phố Cần Thơ trong bối cảnh hội nhập. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ. 51(C): 7-12.
- Nguyễn Hồng Phan, Hà Văn Tú, Lê Thị Hải Yến & Nguyễn Kim Châu Hương (2017). Nhu cầu học tập kỹ năng sống của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Tạp chí Khoa học, Đại học Đồng Nai. 6: 60-69.
- Nguyễn Thị Thúy Hoa (2018). Một số giải pháp nâng cao chất lượng và số lượng đầu vào của sinh viên tại trường Đại học Nội vụ Hà Nội hiện nay. Tạp chí Giáo dục. 430(2-5): 26-28.
- Phạm Ngọc Nhân & Hồ Quốc Nghĩa (2017). Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu học nghề - trường hợp nghiên cứu ở xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ. 51(C): 98-106.
- Tổng cục thống kê (2019). Thông cáo báo chí về tình hình Lao động việc làm quý I năm 2019. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19136>, ngày 30/6/2020
- VOV (2019). Số lượng thí sinh thi THPT Quốc gia và xét tuyển đại học từng tổ hợp năm 2019. Truy cập từ <https://vov.vn/xa-hoi/giao-duc/so-luong-thi-sinh-thi-thpt-quoc-gia-va-xet-tuyen-dai-hoc-tung-to-hop-nam-2019-907997.vov>, ngày 30/6/2020.
- WeareSocial & Hootsuite (2019). Báo cáo Digital marketing Việt Nam.